BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11747 /BCT - TTTN	
V/v điều hành kinh doanh xăng dầu	*Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2014*

Kính gửi: Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương - Tài chính Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC);

Căn cứ thực tế diễn biến giá xăng, dầu thành phẩm thế giới trong chu kỳ tính giá 15 ngày, kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2014 đến hết ngày 21 tháng 11 năm 2014 (sau đây gọi tắt là kỳ công bố), bình quân giá Platt Singapore với xăng RON 92 là 87,659 USD/thùng, dầu điêzen 0,05S là 94,034 USD/thùng, dầu hỏa là 96,940 USD/thùng và dầu madút 180CST 3,5S là 457,442 USD/tấn;

Căn cứ nguyên tắc tính giá cơ sở theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC,

Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ công bố các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

Mặt hàng	*Giá cơ sở kỳ trước liền kề, điều hành ngày 07/11/2014*[1] *(đồng/lít,kg)*	*Giá cơ sở kỳ công bố*[2] *(đồng/lít,kg)*	*Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (đồng/lít,kg)*	*Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (%)*
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=[(3):(1)]x100
1. Xăng RON 92	21.392	20.251	-1.141	-5,3
2. Dầu điêzen 0,05S	19.242	18.657	-585	-3,0
3. Dầu hỏa	19.709	19.250	-459	-2,3
4. Dầu Madút 180CST 3,5S	15.677	15.141	-536	-3,4

Thực hiện các quy định hiện hành về giá xăng dầu, căn cứ giá cơ sở kỳ công bố nêu trên, Liên Bộ Công Thương - Tài chính thông báo:

1. Về Quỹ Bình ổn giá xăng dầu (sau đây gọi tắt là Quỹ Bình ổn giá): giữ nguyên mức trích lập Quỹ Bình ổn giá hiện hành là 600 đồng/lít,kg đối với tất cả

[1] Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá theo quy định là 600 đồng/lít,kg đối với các chủng loại xăng dầu.
[2] Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá theo quy định là 600 đồng/lít,kg đối với các chủng loại xăng dầu.

chủng loại xăng dầu (các loại xăng động cơ, các loại dầu điêzen, dầu hỏa và các loại dầu madút).

2. Về giá bán xăng dầu: Sau khi thực hiện việc trích lập Quỹ Bình ổn giá tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn giá cơ sở Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố:

- Xăng RON 92 là 20.251 đồng/lít;

- Dầu điêzen 0,05S là 18.657 đồng/lít;

- Dầu hỏa là 19.250 đồng/lít;

- Dầu madút 180CST 3,5S là 15.141 đồng/kg.

3. Về thời gian thực hiện:

- Trích lập Quỹ Bình ổn giá đối với tất cả các mặt hàng xăng, dầu: áp dụng từ 11 giờ 00 ngày 22 tháng 11 năm 2014.

- Điều chỉnh giảm giá bán các mặt hàng xăng, dầu: do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quy định nhưng không muộn hơn 11 giờ 00 ngày 22 tháng 11 năm 2014.

- Kể từ 11 giờ 00 ngày 22 tháng 11 năm 2014 (là ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ công bố tại Công văn này) cho đến trước ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp, việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quyết định phù hợp với các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư Liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC.

Bộ Công Thương thông báo để các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu biết, thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện về Liên Bộ Công Thương - Tài chính để giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương (b/c);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Quản lý Giá, Thanh tra Bộ (BTC);
- Cục Quản lý thị trường (BCT);
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (để biết);
- Lưu: VT, TTTN.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Lộc An

Giá xăng dầu thế giới 15 ngày

(07/11/2014 - 21/11/2014)

TT	Ngày	X92	Dầu hỏa	Do0,05	FO 3,5S	B/hổ	WTI	LNH	VCB
1	7/11/14	91.580	99.140	96.130	467.040	83.750	78.650	21,246	21,320
2	8/11/14								
3	9/11/14								
4	10/11/14	92.360	101.440	98.510	477.790	85.650	77.400	21,246	21,320
5	11/11/14	89.850	99.620	96.370	472.490	83.630	77.940	21,246	21,320
6	12/11/14	89.050	99.620	96.090	469.630	83.450	77.180	21,246	21,325
7	13/11/14	88.120	97.950	94.610	466.170	81.990	74.210	21,246	21,340
8	14/11/14	85.210	93.780	91.230	443.640	78.780	75.820	21,246	21,350
9	15/11/14								
10	16/11/14								
11	17/11/14	85.430	94.770	91.950	442.230	79.690	75.640	21,246	21,375
12	18/11/14	85.870	96.060	93.050	447.930	80.770	74.610	21,246	21,420
13	19/11/14	85.420	94.810	92.050	444.430	80.070	74.580	21,246	21,400
14	20/11/14	85.000	94.130	91.670	447.060	79.740	75.580	21,246	21,395
15	21/11/14	86.360	95.020	92.710	453.450	81.280	76.510	21,246	21,385
	Bquân	**87.659**	**96.940**	**94.034**	**457.442**	**81.709**	**76.193**	**21,246**	**21,359**